



TON DONG A

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV/2022

THÁNG 01 NĂM 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm 31/12/2022	Số đầu năm 01/01/2022
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.402.066.700.984	9.281.096.575.225
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	829.814.067.681	544.359.213.855
Tiền	111		814.814.067.681	534.359.213.855
Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1.162.000.058.794	1.625.388.572.810
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.162.000.058.794	1.625.388.572.810
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.977.811.829.284	2.519.798.372.050
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.070.004.881.901	2.483.985.081.194
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	7.958.262.658	3.912.099.028
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	835.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	102.521.170.237	32.587.198.050
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.3	(37.672.485.512)	(3.686.006.222)
IV. Hàng tồn kho	140		3.269.414.555.518	4.427.016.921.200
Hàng tồn kho	141	V.7	3.348.787.967.494	4.434.799.955.276
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.7	(79.373.411.976)	(7.783.034.076)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		163.026.189.707	164.533.495.310
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	20.150.911.938	20.090.591.278
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.15	142.098.498.805	143.668.166.502
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	776.778.964	774.737.530

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm 31/12/2022	Số đầu năm 01/01/2022
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.896.045.590.750	3.367.017.393.491
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.372.076.839	4.866.634.839
Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	6.435.000	6.435.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	6.365.641.839	4.860.199.839
II. Tài sản cố định	220		2.541.112.283.063	2.834.481.743.681
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.358.723.131.132	2.653.239.549.657
- Nguyên giá	222		4.568.517.430.737	4.522.858.473.234
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(2.209.794.299.605)	(1.869.618.923.577)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	60.887.311.423	60.790.524.962
- Nguyên giá	225		72.177.201.086	71.066.232.074
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(11.289.889.663)	(10.275.707.112)
Tài sản cố định vô hình	227	V.11	121.501.840.508	120.451.669.062
- Nguyên giá	228		136.987.144.227	133.446.924.227
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(15.485.303.719)	(12.995.255.165)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	3.175.888.322	3.106.220.920
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		3.175.888.322	3.106.220.920
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	30.640.000.000	199.640.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		30.640.000.000	199.640.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		314.745.342.526	324.922.794.051
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	292.424.812.499	320.043.014.552
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		22.320.530.027	4.879.779.499
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		10.298.112.291.734	12.648.113.968.716

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm 31/12/2022	Số đầu năm 01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.848.614.426.216	9.196.195.607.377
I. Nợ ngắn hạn	310		6.757.913.235.467	8.745.065.889.510
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.263.888.797.212	2.351.948.262.818
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	47.556.986.163	58.613.953.961
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	78.471.005.736	108.732.468.433
Phải trả người lao động	314		19.914.763.583	37.664.949.438
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		13.616.412.141	6.448.994.814
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	12.141.249.931	2.336.109.350.656
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	5.265.965.935.896	3.827.537.623.323
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		56.358.084.805	18.010.286.067
II. Nợ dài hạn	330		90.701.190.749	451.129.717.867
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	35.015.526.787	451.129.717.867
Trái phiếu chuyển đổi	339	V.18	55.685.663.962	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.449.497.865.518	3.451.918.361.339
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	3.449.497.865.518	3.451.918.361.339
Vốn cổ phần	411		1.146.915.100.000	1.023.228.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		1.146.915.100.000	1.023.228.290.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.436.453.483	464.371.374.500
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.462.783.731.563	1.958.956.116.367
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421A		1.738.335.705.748	749.147.894.987
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421B		(275.551.974.185)	1.209.808.221.380
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		10.298.112.291.734	12.648.113.968.716

Bình Dương, Ngày 28 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG ÁĐịa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B02 – DN/HN
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**
Quý IV năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ IV		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm 2022	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2021
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	4.358.502.638.165	8.136.277.518.943	21.680.827.982.408	25.301.792.525.112
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	25.801.926.730	9.535.412.023	66.343.360.473	40.045.823.010
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	4.332.700.711.435	8.126.742.106.920	21.614.484.621.935	25.261.746.702.102
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	4.433.213.309.439	7.278.275.391.213	20.454.635.382.812	22.470.011.823.491
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		(100.512.598.004)	848.466.715.707	1.159.849.239.123	2.791.734.878.611
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	95.157.132.920	120.818.979.566	407.098.695.485	266.480.216.770
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	205.815.095.725	92.714.513.580	503.513.665.109	258.302.956.413
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		64.369.649.299	64.096.821.671	248.577.099.938	205.600.480.772
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	224.521.927.957	524.204.393.676	1.236.563.934.674	1.211.896.445.856
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	21.392.816.858	34.037.008.157	127.499.805.091	109.191.988.516
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		(457.085.305.624)	318.329.779.860	(300.629.470.266)	1.478.823.704.596
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.998.553.197	6.005.444.977	9.061.905.594	31.127.132.696
12. Chi phí khác	32	VI.6	389.576.029	3.972.076.311	715.052.824	6.454.829.353
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		1.608.977.168	2.033.368.666	8.346.852.770	24.672.303.343
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(455.476.328.456)	320.363.148.526	(292.282.617.496)	1.503.496.007.939
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	(28.917.004.917)	66.810.094.029	710.107.217	296.161.260.142
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	(27.359.262.090)	(2.026.014.649)	(17.440.750.528)	(2.473.473.583)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(399.200.061.449)	255.579.069.146	(275.551.974.185)	1.209.808.221.380

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Bình Dương, Ngày 28 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	NĂM 2022	NĂM 2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1	(292.282.617.496)	1.503.496.007.939
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2	344.492.862.316	342.190.818.776
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng	3	105.576.857.190	11.239.220.811
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(1.718.306.451)	11.496.702.418
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(209.231.304.196)	(75.190.232.690)
Chi phí lãi vay	6	248.577.099.938	205.600.480.772
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	195.414.591.301	1.998.832.998.026
Giảm (tăng) các khoản phải thu	9	1.365.238.134.667	(1.054.489.267.253)
Giảm (tăng) hàng tồn kho	10	1.086.011.987.782	(2.108.121.790.349)
Giảm (tăng) các khoản phải trả	11	(3.401.883.582.357)	2.321.743.232.372
Giảm chi phí trả trước	12	27.557.881.393	7.067.779.566
Tiền lãi vay đã trả	14	(240.956.800.468)	(206.470.499.890)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(68.218.775.291)	(269.431.930.077)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(66.305.962.180)	(23.662.699.787)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.103.142.525.153)	665.467.822.608
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(52.907.289.978)	(213.120.304.623)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ")	22	1.851.851.853	17.685.681.287
Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(6.765.658.663.508)	(3.031.828.572.810)
Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay	24	6.566.047.177.524	1.934.058.909.967
Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	27	181.980.265.642	72.189.860.746
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	30	(68.686.658.467)	(1.221.014.425.433)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
NĂM 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	NĂM 2022	NĂM 2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	494.747.240.000	21.335.350.000
Tiền thu từ đi vay	33	17.904.360.068.381	17.158.348.125.451
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(16.804.954.009.379)	(16.266.351.891.883)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(19.522.000.071)	(23.243.034.068)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(114.390.510.000)	(168.087.660.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.460.240.788.931	722.000.889.500
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm	50	288.411.605.311	166.454.286.675
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	544.359.213.855	378.657.564.474
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.956.751.485)	(752.637.294)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	829.814.067.681	544.359.213.855

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Bình Dương, Ngày 28 tháng 01 năm 2023

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hồ Song Ngọc**



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Mẫu số B09 – DN/HN

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Mã số thuế : 3700255880

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") là sản xuất sắt, thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, gang, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán sắt, thép, hàng mộc gia dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công hệ thống điện, nước công trình; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 12 tháng.**4. Mô hình hoạt động:**

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 18 - 20 Hồ Văn Huệ, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và Tầng M, Lô 52-53 Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 1.465 người (ngày 1 tháng 1 năm 2022: 1.460 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có bốn (4) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu(%)	Tỷ lệ biểu quyết(%)
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu Công nghiệp Nhựt Chánh, Xã Nhựt Chánh, Huyện Bến Lức, Long An, Việt Nam	100	100
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng Địa Chỉ: Lô E2, Đường số 7, KCN Hòa Khánh, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100	100
Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**QUÝ IV NĂM 2022****II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế Toán**

Kỳ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa để bán lại - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**QUÝ IV NĂM 2022**

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được ghi nhận được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022

7. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Nhóm Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

11. Các khoản đầu tư*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****Quý đầu tư phát triển**

Quý này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quý khen thưởng, phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

16. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

18. Thuế**Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) QUÝ IV NĂM 2022

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.906.925.613	275.126.697
Tiền gửi ngân hàng	812.907.142.068	534.084.087.158
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	10.000.000.000
TỔNG CỘNG	829.814.067.681	544.359.213.855

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đáo hạn ban đầu không quá 3 tháng

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	338.000.000.000	1.215.389.000.000
Trái phiếu	824.000.058.794	409.999.572.810
CỘNG	1.162.000.058.794	1.625.388.572.810
Dài hạn		
Trái phiếu	30.640.000.000	199.640.000.000
CỘNG	30.640.000.000	199.640.000.000
TỔNG CỘNG	1.192.640.058.794	1.825.028.572.810

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
JFE Shoji America LLC	-	487.519.007.805
Các khách hàng khác	1.070.004.881.901	1.996.466.073.389
TỔNG CỘNG	1.070.004.881.901	2.483.985.081.194
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(37.672.485.512)	(3.686.006.222)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.032.332.396.389	2.480.299.074.972

(*) Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
NGẮN HẠN		
Công Ty CP Đầu Tư Bất Động Sản New Land	-	800.000.000
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Phú Mỹ	897.000.000	497.000.000
Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Minh Phát	957.487.832	-
Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Quảng Cáo Á Đông	985.017.925	-
Chongqing H&J Technology Co.,Ltd.	1.884.259.500	552.836.105
Nhà cung cấp khác	3.234.497.401	2.062.262.923
CỘNG	7.958.262.658	3.912.099.028
DÀI HẠN		
Nhà cung cấp khác	6.435.000	6.435.000
CỘNG	6.435.000	6.435.000
TỔNG CỘNG	7.964.697.658	3.918.534.028

5. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Lãi phải thu	27.113.407.579	-
Ký quỹ, ký cược	63.964.115.332	23.179.137.499
Phải thu chi hộ	6.733.062.844	5.284.220.298
Khác	4.710.584.482	4.123.840.253
CỘNG	102.521.170.237	32.587.198.050
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	6.365.641.839	4.860.199.839
CỘNG	6.365.641.839	4.860.199.839
TỔNG CỘNG	108.886.812.076	37.447.397.889



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ Phần May Xuất Khẩu Huế	-	3.000.000.000
Công ty Cổ Phần Mua Bán Nợ Và Quản Lý Tài Sản Việt Nam(*)	435.000.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Đầu Tư Trường Giang(**)	200.000.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Vinatex - Tân Tạo(***)	200.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	835.000.000.000	3.000.000.000

Lãi suất của các khoản cho vay ngắn hạn nêu trên là từ 7,5%/năm đến 18%/năm với kỳ hạn từ 3 đến 6 tháng.

(*) Công ty Cổ phần Mua Bán Nợ & Quản lý Tài sản Việt Nam đã mở bảo lãnh thanh toán cho khoản vay này tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành.

(**) Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Đầu Tư Trường Giang đã thế chấp cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Bất Động Sản An Gia(mã chứng khoán: AGG) đang lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán MB.

(***) Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Vinatex - Tân Tạo đã thế chấp cổ phiếu của Tổng Công Ty Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc - CTCP (mã chứng khoán: KBC) đang lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán MB.

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thành phẩm	2.318.476.613.762	2.439.163.475.750
Nguyên liệu, vật liệu	737.144.529.551	932.342.153.557
Hàng đang đi trên đường	243.179.518.858	967.376.000.446
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.092.953.073	44.980.566.686
Công cụ, dụng cụ	2.839.352.303	7.083.600.039
Hàng hoá	1.054.999.947	43.854.158.798
TỔNG CỘNG	3.348.787.967.494	4.434.799.955.276
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(79.373.411.976)	(7.783.034.076)
Giá trị thuần	3.269.414.555.518	4.427.016.921.200

(*) Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Số đầu năm	7.783.034.076	229.819.487
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	79.373.411.976	7.783.034.076
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.783.034.076)	(229.819.487)
Số cuối năm	79.373.411.976	7.783.034.076



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	20.150.911.938	20.090.591.278
Công cụ, dụng cụ đang dùng	12.150.751.421	14.157.268.292
Chi phí quảng cáo	247.511.721	1.618.907.789
Khác	7.752.648.796	4.314.415.197
Dài hạn	292.424.812.499	320.043.014.552
Tiền thuê đất trả trước (*)	206.419.284.385	212.847.099.673
Công cụ, dụng cụ đang dùng	51.550.283.958	52.226.764.563
Chi phí quảng cáo	21.121.155.245	41.347.988.845
Khác	13.334.088.911	13.621.161.471
TỔNG CỘNG	312.575.724.437	340.133.605.830

(*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2022	798.949.965.442	3.500.193.537.500	206.299.949.188	17.068.137.479	346.883.625	4.522.858.473.234
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.017.866.799	12.519.653.494	-	-	-	13.537.520.293
Mua trong năm	297.878.000	10.534.735.425	1.627.578.880	46.749.500	36.444.188	12.543.385.993
Tăng nguyên giá	-	-	-	-	-	-
Phân loại từ tài sản cố định thuê tài chính	-	3.620.400.000	18.485.127.278	-	-	22.105.527.278
Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	-	-	(2.527.476.061)	-	-	(2.527.476.061)
Giảm nguyên giá	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	800.265.710.241	3.526.868.326.419	223.885.179.285	17.114.886.979	383.327.813	4.568.517.430.737
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	21.818.729.692	306.172.603.800	13.297.713.753	12.960.040.279	-	354.249.087.524
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2022	174.420.691.987	1.585.313.945.961	95.885.619.228	13.859.912.953	138.753.448	1.869.618.923.577
Khấu hao trong năm	37.087.885.023	271.587.517.186	24.263.352.186	1.127.168.430	39.547.587	334.105.470.412
Phân loại từ tài sản cố định thuê tài chính	-	982.646.975	5.900.513.824	-	-	6.883.160.799
Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	-	-	(813.255.183)	-	-	(813.255.183)
Tại ngày 31/12/2022	211.508.577.010	1.857.884.110.122	125.236.230.055	14.987.081.383	178.301.035	2.209.794.299.605
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2022	624.529.273.455	1.914.879.591.539	110.414.329.960	3.208.224.526	208.130.177	2.653.239.549.657
Tại ngày 31/12/2022	588.757.133.231	1.668.984.216.297	98.648.949.230	2.127.805.596	205.026.778	2.358.723.131.132



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	3.620.400.000	67.445.832.074	71.066.232.074
Mua trong năm	-	23.216.496.290	23.216.496.290
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(3.620.400.000)	(18.485.127.278)	(22.105.527.278)
Giảm nguyên giá	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	-	72.177.201.086	72.177.201.086
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	813.841.974	9.461.865.138	10.275.707.112
Khấu hao trong năm	168.805.001	7.728.538.349	7.897.343.350
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(982.646.975)	(5.900.513.824)	(6.883.160.799)
Tại ngày 31/12/2022	-	11.289.889.663	11.289.889.663
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	2.806.558.026	57.983.966.936	60.790.524.962
Tại ngày 31/12/2022	-	60.887.311.423	60.887.311.423

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2022	116.854.000.000	16.592.924.227	133.446.924.227
Mua mới	672.300.000	268.120.000	940.420.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	2.599.800.000	2.599.800.000
Tại ngày 31/12/2022	117.526.300.000	19.460.844.227	136.987.144.227
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	12.058.711.727	12.058.711.727
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2022	-	12.995.255.165	12.995.255.165
Hao mòn trong năm	-	2.490.048.554	2.490.048.554
Tại ngày 31/12/2022	-	15.485.303.719	15.485.303.719
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2022	116.854.000.000	3.597.669.062	120.451.669.062
Tại ngày 31/12/2022	117.526.300.000	3.975.540.508	121.501.840.508



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Mua sắm tài sản	2.484.716.322	54.399.000
Khác	691.172.000	3.051.821.920
TỔNG CỘNG	3.175.888.322	3.106.220.920

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
NGẮN HẠN		
Công Ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	545.984.536.256	1.236.237.983.623
Jfe Shoji Corporation	-	436.911.814.054
Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	153.495.036.312	133.683.749.470
Phải trả cho người bán khác	564.409.224.644	535.986.715.671
Phải trả cho các bên liên quan	-	9.128.000.000
TỔNG CỘNG	1.263.888.797.212	2.351.948.262.818

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Gramperfil S.A	-	17.780.080.988
PT.Kepuh Kencana Arum	5.726.426.680	1.273.601.728
PT Andaru Steel One	5.885.523.726	-
PT.Great Fortune	20.517.893.693	4.885.719.930
Người mua trả tiền trước khác	15.427.142.064	34.674.551.315
TỔNG CỘNG	47.556.986.163	58.613.953.961



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Đơn vị tính: VND			
	Số dư tại ngày 01/01/2022	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số dư tại ngày 31/12/2022
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	767.717.530	-	-	767.717.530
Thuế giá trị gia tăng	143.668.166.502	2.142.681.339.690	2.144.251.007.387	142.098.498.805
Thuế Thu nhập cá nhân	-	2.041.434	-	2.041.434
Khác	7.020.000	-	-	7.020.000
TỔNG CỘNG	144.442.904.032	2.142.683.381.124	2.144.251.007.387	142.875.277.769
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	67.707.853.445	710.107.217	68.218.775.287	199.185.375
Thuế giá trị gia tăng	39.397.961.093	2.012.954.772.010	1.974.726.225.108	77.626.507.995
Thuế thu nhập cá nhân	1.396.171.831	25.289.174.193	26.040.033.658	645.312.366
Thuế bảo vệ môi trường	-	285.400.000	285.400.000	-
Thuế nhập khẩu	206.825.486	1.310.389.940	1.517.215.426	-
Khác	23.656.578	3.435.166.320	3.458.822.898	-
TỔNG CỘNG	108.732.468.433	2.043.985.009.680	2.074.246.472.377	78.471.005.736

16. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
NGÂN HẠN		
UPAS L/C (*)	-	1.965.096.402.967
Chiết khấu bộ chứng từ (**)	-	368.152.785.550
Quảng cáo	295.528.518	938.102.030
Khác	11.845.721.413	1.922.060.109
TỔNG CỘNG	12.141.249.931	2.336.109.350.656

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần.

(**) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc bán hàng hóa và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức chiết khấu thanh toán trước được phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	5.228.447.961.048	3.226.726.809.906
Vay bên liên quan	-	-
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	-	293.828.324.797
Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả	23.600.000.000	237.096.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	13.917.974.848	14.200.824.658
Trái phiếu chuyển đổi (<i>Thuyết minh số 18</i>)	-	55.685.663.962
CỘNG	5.265.965.935.896	3.827.537.623.323
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng	-	383.615.243.818
Nợ thuê tài chính	35.015.526.787	29.214.474.049
Vay các bên liên quan	-	38.300.000.000
CỘNG	35.015.526.787	451.129.717.867
TỔNG CỘNG	5.300.981.462.683	4.278.667.341.190



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022**

	31/12/2022		01/01/2022	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	5.265.965.935.896	57.957.455	3.771.851.959.361	18.299.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng - VND</i>	3.864.386.780.253		2.806.683.691.906	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	2.026.189.711.584		1.570.766.515.435	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	749.735.776.086		1.227.021.913.796	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	245.605.716.104		-	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	842.855.576.479		4.895.262.675	
Ngân Hàng United Overseas - CN HCM	-		4.000.000.000	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng - USD</i>	1.364.061.180.795	57.957.455	420.043.115.000	18.299.000
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	337.071.442.198	14.186.509	-	-
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	955.468.791.000	40.757.000	264.131.840.000	11.504.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	71.520.947.597	3.013.946	-	-
Ngân Hàng TMCP Quân Đội - CN Bình Dương	-	-	155.911.275.000	6.795.000
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	-	-	293.828.324.797	-
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	-	-	155.253.058.017	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	-	-	4.375.266.780	-
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	-	-	134.200.000.000	-
<i>Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả và ngắn hạn</i>	23.600.000.000		237.096.000.000	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	-	-	237.096.000.000	-
Bà Lê Thị Phương Loan	23.600.000.000		-	
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	13.917.974.848		14.200.827.658	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	13.418.974.840		13.468.710.150	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	-		233.117.500	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	499.000.008		499.000.008	
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	35.015.526.787		451.129.717.867	
<i>Vay dài hạn ngân hàng</i>	-		383.615.243.818	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đông Sài Gòn - TP.HCM	-		169.297.959.958	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	-		191.524.012.196	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	-		22.793.271.664	
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	35.015.526.787		29.214.474.049	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	34.599.693.479		28.299.640.733	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	415.833.308		914.833.316	
<i>Vay dài hạn từ các bên liên quan</i>	-		38.300.000.000	
Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	-		14.700.000.000	
Lê Thị Phương Loan	-		23.600.000.000	
TỔNG	5.300.981.462.683	57.957.455	4.222.981.677.228	18.299.000

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng bằng VND là từ 4,8%/năm đến 8,6%/năm và bằng USD là từ 3,5%/năm đến 4,9%/năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****18. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI**

	Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá (VND)	Lãi suất danh nghĩa (%/năm)	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Cấu phần vốn (VND)	Cấu phần nợ (VND)
Ngày 1 tháng 1 năm 2022 và								
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	2014	3 năm	559.067	100.000	5	6,3	1.931.977.742	55.685.663.962

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Nhóm Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu ("HĐĐMTP") với Công ty TNHH Posco Việt Nam ("Posco"), một công ty con của POSCO và được thành lập tại Việt Nam. Theo đó, vào ngày 28 tháng 4 năm 2014, Nhóm Công ty đã phát hành 559.067 trái phiếu chuyển đổi không đảm bảo với mệnh giá mỗi trái phiếu là 100.000 VND cho Posco để đầu tư lắp đặt hai (2) dây chuyền sản xuất mới. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2022, Nhóm Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất – Phụ lục số 8 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2024. Theo đó, nếu việc chuyển đổi được thực hiện, trái phiếu sẽ được tự động chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi được thỏa thuận vào ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á
 Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
 Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
 Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN
 (Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU.
19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<i>Đơn vị tính: VND</i>							
Năm 2021							
Tại ngày 01/01/2021	975.098.260.000	464.371.374.500	1.931.977.742	-	3.430.602.730	977.929.824.885	2.422.762.039.857
Phát hành cổ phiếu	48.130.030.000	-	-	-	-	-	48.130.030.000
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(194.915.890.000)	(194.915.890.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.209.808.221.380	1.209.808.221.380
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(33.866.039.898)	(33.866.039.898)
Khác	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	1.023.228.290.000	464.371.374.500	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.958.956.116.367	3.451.918.361.339
Năm 2022							
Tại ngày 01/01/2022	1.023.228.290.000	464.371.374.500	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.958.956.116.367	3.451.918.361.339
Phát hành cổ phiếu (*)	123.686.810.000	370.065.078.983	-	-	-	-	493.751.888.983
Cổ tức công bố (**)	-	-	-	-	-	(114.691.510.000)	(114.691.510.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	(275.551.974.185)	(275.551.974.185)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(100.501.960.918)	(100.501.960.918)
Khác	-	-	-	-	-	(5.426.939.701)	(5.426.939.701)
Tại ngày 31/12/2022	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.462.783.731.563	3.449.497.865.518

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 08/2021/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 22 tháng 5 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Theo đó, vào ngày 14 tháng 3 năm 2022, Công ty đã phát hành 12.368.681 cổ phiếu và Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 16 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty từ 1.023.228.290.000 VND lên 1.146.915.100.000 VND vào ngày 8 tháng 4 năm 2022.

(**) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/2022/NQ-HĐQT-TDA ngày 8 tháng 6 năm 2022 và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐTN-TDA ngày 24 tháng 6 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị của Nhóm Công ty đã thông qua việc chi trả cổ tức năm 2021 bằng tiền tại mức 10% mệnh giá và bằng cổ phiếu tại mức 20% mệnh giá. Vào ngày 11 tháng 7 năm 2022, Nhóm Công ty đã thực hiện việc chi trả cổ tức bằng tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, DT An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn cổ phần		
Số đầu năm	1.023.228.290.000	975.098.260.000
Tăng trong năm	123.686.810.000	48.130.030.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	<u><u>1.146.915.100.000</u></u>	<u><u>1.023.228.290.000</u></u>

19.3 Cổ phiếu

	31/12/2022 VND Số cổ phiếu	01/01/2022 VND Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	114.691.510	102.322.829
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	114.691.510	102.322.829
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu đang lưu hành	114.691.510	102.322.829
Cổ phiếu phổ thông		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, DT An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. DOANH THU****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>Năm 2022</i> VND	<i>Năm 2021</i> VND
Doanh thu gộp	21.680.827.982.408	25.301.792.525.112
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	20.799.346.299.170	22.437.412.990.734
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	865.862.070.662	2.847.909.249.979
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	15.412.012.038	16.376.184.399
<i>Doanh thu bán phế liệu</i>	207.600.538	94.100.000
Các khoản giảm trừ doanh thu	66.343.360.473	40.045.823.010
DOANH THU THUẦN	21.614.484.621.935	25.261.746.702.102

1.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Năm 2022</i> VND	<i>Năm 2021</i> VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu	208.753.922.093	72.061.964.946
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	198.344.773.392	194.418.251.824
TỔNG CỘNG	407.098.695.485	266.480.216.770

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>Năm 2022</i> VND	<i>Năm 2021</i> VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	19.560.698.230.273	19.864.655.493.423
Giá vốn hàng hóa đã bán	807.053.096.045	2.586.339.786.400
Giá vốn dịch vụ cung cấp	15.293.678.593	11.463.329.079
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) hàng tồn kho	71.590.377.901	7.553.214.589
TỔNG CỘNG	20.454.635.382.812	22.470.011.823.491

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí lãi vay	248.577.099.938	205.600.480.772
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	254.936.565.171	52.702.475.641
TỔNG CỘNG	503.513.665.109	258.302.956.413

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí vận chuyển và giao hàng	1.029.219.297.552	979.918.161.683
Chi phí lương nhân viên	51.687.061.284	51.297.797.551
Chi phí quảng cáo	67.696.873.568	81.446.248.632
Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.879.666.850	91.467.367.283
Chi phí khấu hao TSCĐ	8.081.035.420	7.766.870.707
TỔNG CỘNG	1.236.563.934.674	1.211.896.445.856

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Năm 2022</i>	<i>Năm 2021</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.505.290.134	46.293.644.485
Chi phí nhân viên	50.343.177.552	48.909.127.307
Chi phí khấu hao và hao mòn	10.664.858.115	10.593.861.442
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	33.986.479.290	3.395.355.282
TỔNG CỘNG	127.499.805.091	109.191.988.516

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Năm 2022</i> VND	<i>Năm 2021</i> VND
Thu nhập khác	9.061.905.594	31.127.132.696
Thu nhập từ bán phế liệu	6.703.113.978	8.212.733.807
Thanh lý tài sản cố định	-	3.000.371.944
Chuyển nhượng quyền sử dụng đất	-	16.721.197.999
Khác	2.358.791.616	3.192.828.946
Chi phí khác	715.052.824	6.454.829.353
Thanh lý tài sản cố định	57.870.314	-
Tiền bồi thường	248.841.109	631.751.991
Tiền phạt thuế	152.853.684	1.117.748.008
Khác	255.487.717	4.705.329.354
LỢI NHUẬN KHÁC	8.346.852.770	24.672.303.343

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

	<i>Năm 2022</i> VND	<i>Năm 2021</i> VND
Chi phí thuế TNDN	710.107.217	294.185.206.251
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	-	1.976.053.891
Chi phí thuế TNDN hiện hành	710.107.217	296.161.260.142
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(17.440.750.528)	(2.473.473.583)
Chi phí thuế TNDN	(16.730.643.311)	293.687.786.559

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong quý bao gồm

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Chi trả nợ gốc vay	349.276.000.000	8.025.000.000
		Vay	97.480.000.000	259.821.000.000
		Lãi vay	4.466.028.959	1.149.254.334
		Thuê văn phòng	-	7.500.000.000
		Mua văn phòng	-	91.280.000.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Chi trả nợ gốc vay	-	-
		Vay	-	23.600.000.000
		Lãi vay	1.651.999.998	1.120.405.479

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 31/12/2022	Tại ngày 01/01/2022
Phải trả người bán ngắn hạn				
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh		Mua văn phòng	-	9.128.000.000
Vay ngắn hạn				
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Vay	-	237.096.000.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Vay dài hạn đến hạn trả	23.600.000.000	-
Vay dài hạn				
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Vay	-	14.700.000.000
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Vay	-	23.600.000.000
TỔNG CỘNG			-	38.300.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ IV NĂM 2022****VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

Đơn vị tính: VND

	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Hội đồng Quản trị	4.158.800.000	418.800.000
Ban Tổng Giám đốc	14.041.139.329	11.642.345.164
Ban Kiểm soát	115.000.000	-
TỔNG CỘNG	18.314.939.329	12.061.145.164

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

Bình Dương, ngày 28 tháng 01 năm 2023

Người lập
(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hỗ Song Ngọc